

Bản án số: 126/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-12-2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình: Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Anh – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp HT, xã ĐT, huyện TS, tỉnh An Giang

- Anh Lữ Hoàng G, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp HT, xã ĐT, huyện TS, tỉnh An Giang

Các đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị L và anh G do hai bên gia đình mai mối nên tiến đến hôn nhân năm 1995, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 21/7/1997 tại UBND xã ĐT, huyện TS. Quá trình chung sống, do anh G có tính nóng nảy nên mỗi khi vợ chồng cãi vả là anh

G chửi và đuổi chị ra khỏi nhà, mặc dù chị L cũng nhiều lần khuyên can nhưng anh G vẫn không thay đổi. Gần đây là vào Tết Nguyên đán năm 2019, khi chị L đi nuôi mẹ bệnh ở bệnh viện khoảng 01 tuần, đến lúc về nhà anh G kiểm chuyện chửi mắng và đuổi chị đi nên chị đã bỏ nhà lên thành phố sống cùng con gái. Trong thời gian chị L bỏ đi, anh G có vài lần điện thoại kêu về nhưng không có thành ý hối lỗi và trong thời gian đó thì anh G lại có quan hệ với người phụ nữ khác ở gần nhà. Do nhận thấy không còn tình cảm với anh G, không thể tiếp tục chung sống nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lữ Thị L, sinh ngày 26/11/1997 và Lữ Thế K, sinh ngày 03/9/2002. Hai con đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lữ Hoàng G trình bày:

Anh G và chị L chung sống với nhau năm 1995 do hai bên gia đình mai mối, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống do tính tình nóng nảy nên có khi anh G la mắng chị L, nhưng nhận thấy mâu thuẫn này không lớn. Gần đây nhất là khi chị L đi nuôi mẹ bị bệnh hơn 01 tuần ở bệnh viện, ở nhà không ai lo cơm nước nên anh G bức tức, anh G có chửi và đuổi chị L đi nên chị L đã bỏ đi lên thành phố ở với con gái. Lúc chị L bỏ đi anh G có điện thoại vài lần để năn nỉ chị L về nhưng không được. Trong thời gian đó do buồn nên anh G có quen một người phụ nữ khác, tuy nhiên đây chỉ là mối quan hệ bạn bè, anh G không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương chị L, nếu chị L tha thứ anh hứa sẽ sửa đổi.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lữ Thị L, sinh ngày 26/11/1997 và Lữ Thế K, sinh ngày 03/9/2002. Hai con đã đủ 18 tuổi nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Quá trình chung sống do anh G tính tình nóng nảy nên thường la mắng chị, chị vì thương chồng con nên nhiều lần nhẫn nhịn nhưng anh G không thay đổi. Khi chị L bỏ lên thành phố sống anh G có điện thoại vài lần nhưng không có thành ý xin lỗi mà còn đi qua lại với người khác trong lúc chị không có nhà, anh G còn nói không muốn sống với chị nữa nên chị nộp đơn ly hôn. Lúc Tòa án giải quyết thì anh G không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì hàn gắn và không thay đổi. Do đó, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh G vì cả hai đã không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa.

- Bị đơn là anh Lữ Hoàng G trình bày: Anh G thừa nhận do tính tình nóng nảy nên có la mắng chị L, khi chị L bỏ đi anh có điện thoại năn nỉ nhưng chị L không chịu về, lúc đó do buồn nên anh có quen người khác nhưng chỉ là bạn bè. Anh G vẫn thương chị L nên anh đã nhiều lần năn nỉ chị L tha thứ nhưng không được, đến nay chị L vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Theo trình bày của chị L và lời khai của anh G trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L ly hôn anh G. Về con chung: Có 02 con chung nhưng đã trưởng thành nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Nguyễn Thị L và anh Lữ Hoàng G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số 01/97 do UBND xã ĐT cấp ngày 21/7/1997). Anh Lữ Hoàng G có hộ khẩu thường trú tại ấp HT, xã ĐT, huyện TS, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét việc tranh chấp:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh G xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/7/1997 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện TS, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh Gianh tình tình nóng nảy, thường xuyên chửi mắng, xua đuổi chị, lần gần đây là vào Tết Nguyên đán năm 2019, do mẹ chị L bị bệnh nên chị L đi nuôi mẹ khoảng 01 tuần, đến lúc về không hiểu vì lý do gì mà anh G chửi mắng và đuổi chị đi, do vậy chị đã bỏ đi sống cùng con ở Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian chị bỏ nhà đi thì nghe được anh G có quan hệ với người phụ nữ khác. Nhận thấy anh G không có thiện chí sửa đổi, chị cũng không còn tình cảm với anh G, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với anh G.

Anh G thừa nhận anh có tính nóng nảy, khi cự cãi anh có đuổi chị L đi và trong thời gian chị L bỏ nhà đi do buồn nên anh có qua lại với một người phụ nữ ở gần nhà nhưng chỉ là bạn bè. Từ khi chị L bỏ đi và trong quá trình giải quyết vụ án anh G đã nhiều lần năn nỉ chị L nhưng không được, tại phiên tòa chị L vẫn cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

[2.2] Thấy rằng, pháp luật về hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, yêu thương, chung thủy và cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Quá trình chung sống giữa chị L và anh G phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do tính tình không hợp. Lẽ ra, khi phát sinh mâu thuẫn thì chị L và anh G nên tìm cách giải quyết, nhưng trong thời gian vợ chồng xa cách, cả hai cũng không có biện pháp hàn gắn, anh G lại có quan hệ với người phụ nữ khác khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng nghiêm trọng hơn. Khi chị L yêu cầu ly hôn, ban đầu anh G không đồng ý nhưng không có biện pháp hàn gắn, tại phiên tòa chị L cương quyết ly hôn thì anh G cũng đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh G đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được nên có đủ cơ sở cho chị L và anh G ly hôn.

[3] *Về con chung*: Có hai con chung tên Lữ Thị L, sinh ngày 26/11/1997 và Lữ Thế K, sinh ngày 03/9/2002. Hai con đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị L và anh G trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị L và anh G trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Lữ Hoàng G không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lữ Hoàng G.

2. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004065 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Anh Lữ Hoàng G không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyền số 01/97 do Ủy ban nhân dân xã DT cấp ngày 21/7/1997 cho chị Nguyễn Thị L và anh Lữ Hoàng G không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND xã DT (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Linh